

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA HUYỆN YÊN THẾ**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Dự kiến Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (Bổ trí theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% đối với dự án nhóm B)				Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bảo gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bảo gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Tổng số	Trong đó:			
																	Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn NS huyện	
	<b>Tổng số</b>					<b>1.148.805</b>	<b>386.057</b>	<b>11.400</b>	<b>736.331</b>	<b>-</b>	<b>751.748</b>	<b>375.862</b>	<b>11.400</b>	<b>341.661</b>	<b>936.296,8</b>	<b>341.862</b>	<b>9.400,0</b>	<b>585.035</b>		
<b>A</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>					<b>15.811,0</b>	<b>-</b>	<b>9.400,0</b>	<b>6.411,0</b>	<b>-</b>	<b>15.811,0</b>	<b>-</b>	<b>9.400,0</b>	<b>6.411,0</b>	<b>14.200,0</b>	<b>-</b>	<b>9.400,0</b>	<b>4.800,0</b>		
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo</b>					<b>15.811,0</b>	<b>-</b>	<b>9.400,0</b>	<b>6.411,0</b>	<b>-</b>	<b>15.811,0</b>	<b>-</b>	<b>9.400,0</b>	<b>6.411,0</b>	<b>14.200,0</b>	<b>-</b>	<b>9.400,0</b>	<b>4.800,0</b>		
-	Đầu tư xây dựng phòng học trường mầm non, tiểu học huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện		2020-2022	15 phòng MN; 08 phòng TH	15.811		9.400	6.411,0		15.811		9.400	6.411,0	14.200		9.400	4.800		
<b>B</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TỈNH</b>					<b>538.821</b>	<b>386.057</b>	<b>2.000</b>	<b>150.497</b>	<b>-</b>	<b>507.375</b>	<b>375.862</b>	<b>2.000</b>	<b>127.376</b>	<b>433.516</b>	<b>341.862</b>	<b>-</b>	<b>91.654</b>		
<b>I</b>	<b>Các dự án do cấp tỉnh quản lý</b> (tính đến thời điểm 10/10/2021 đã được HĐND/UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án giao cho huyện, thành phố làm chủ đầu tư)					<b>260.000</b>	<b>260.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>260.000</b>	<b>260.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>221.000</b>	<b>221.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>					<b>260.000</b>	<b>260.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>260.000</b>	<b>260.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>221.000</b>	<b>221.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
*	<i>Dự án khởi công mới</i>					<i>260.000</i>	<i>260.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>260.000</i>	<i>260.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>221.000</i>	<i>221.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>		
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bồ Hạ đi qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đến trường Cao đẳng Nghệ Đông Bắc thuộc huyện Hữu Lũng, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện	xã Đông Sơn	2022-2025		260.000	260.000				260.000,0	260.000,0			221.000	221.000				
<b>II</b>	<b>Các dự án hỗ trợ ngân sách cấp huyện</b> (tính đến thời điểm 10/10/2021 đã được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn)					<b>44.000</b>	<b>21.000</b>	<b>-</b>	<b>23.000</b>	<b>-</b>	<b>41.406</b>	<b>21.000</b>	<b>-</b>	<b>21.666</b>	<b>31.100</b>	<b>15.000</b>	<b>-</b>	<b>16.100</b>		
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>					<b>29.000</b>	<b>17.000</b>	<b>-</b>	<b>12.000</b>	<b>-</b>	<b>27.740</b>	<b>17.000</b>	<b>-</b>	<b>12.000</b>	<b>17.600</b>	<b>11.000</b>	<b>-</b>	<b>6.600</b>		
*	<i>Dự án khởi công mới</i>					<i>29.000</i>	<i>17.000</i>	<i>-</i>	<i>12.000</i>	<i>-</i>	<i>27.740</i>	<i>17.000</i>	<i>-</i>	<i>12.000</i>	<i>17.600</i>	<i>11.000</i>	<i>-</i>	<i>6.600</i>		
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Canh Nậu (đoạn từ Quốc lộ 17 đi cây xăng) huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Canh Nậu	2021-2022		15.000	11.000		4.000		13.740	11.000		4.000	5.000	5.000				
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp - Tiến Thắng (đoạn từ Kiểm Lâm đi đình Đình Thép; đoạn từ ngã ba Tiến Thịnh đi UBND xã Tiến Thắng) huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Tân Hiệp, Tiến Thắng và TT Phồn Xương	2021-2022		14.000	6.000		8.000		14.000	6.000		8.000	12.600	6.000		6.600		
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực quốc phòng - an ninh</b>					<b>15.000</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	<b>11.000</b>	<b>-</b>	<b>13.666</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	<b>9.666</b>	<b>13.500</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	<b>9.500</b>		
*	<i>Dự án khởi công mới</i>					<i>15.000</i>	<i>4.000</i>	<i>-</i>	<i>11.000</i>	<i>-</i>	<i>13.666</i>	<i>4.000</i>	<i>-</i>	<i>9.666</i>	<i>13.500</i>	<i>4.000</i>	<i>-</i>	<i>9.500</i>		
-	Xây dựng công trình Sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu giai đoạn 2020 - 2025	Ban Chỉ huy QS huyện	xã Tam Hiệp	2021-2023		15.000	4.000		11.000		13.666	4.000		9.666	13.500	4.000		9.500		

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Dự kiến Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (Bổ trí theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% đối với dự án nhóm B)				Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bảo gồm cả vốn ODA)	VốnNS huyện, xã	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bảo gồm cả vốn ODA)	VốnNS huyện, xã	Tổng số	Trong đó:			
																	Vốn cán đối ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn NS huyện	
III	Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh						130.257	53.695	-	76.562	-	128.802	54.500	-	70.562	103.330	54.500	-	48.830	Số vốn KH trung hạn 2021-2025 của các huyện, tp bằng kế hoạch vốn đã giao năm 2021*5 năm
*	Dự án khởi công mới						130.257	53.695	-	76.562	-	128.802	54.500	-	70.562	103.330	54.500	-	48.830	
-	Cải tạo, sửa chữa phòng họp HĐND & UBND huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2020-2022		913/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	2.000	2.000			-	5111/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	1.805	1.805		1.805	1.805			
-	Nhà hội trường UBND thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế	UBND thị trấn Phồn Xương	thị trấn Phồn Xương	2020-2022	Xây dựng 300 chỗ ngồi	708/QĐ-UBND ngày 15/9/2020; 175/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	11.500	1.500		10.000		5117/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 2773/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	11.500	1.500		10.000	1.500	1.500		
-	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đồng Kỳ	UBND xã Đồng Kỳ	xã Đồng Kỳ	2020-2022		709/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	7.000	2.500		4.500		5116/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	7.000	2.500		4.500	2.500	2.500		
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Canh Nậu (đoạn từ Quốc lộ 17 đi cây xăng) huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Canh Nậu	2021-2022	3,2km	914/QĐ-UBND, 24/11/2020; 141/QĐ-UBND, 25/2/2021	15.000	6.000		9.000		5112/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	13.740	6.000		4.000	10.000	6.000		4.000
-	Cải tạo, nâng cấp đường vòng tránh UBND huyện, thị trấn Phồn Xương	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2021-2022	1km	158/QĐ-UBND ngày 02/3/2021	9.000	5.000		4.000		1802/QĐ-UBND ngày 27/04/2021	9.000	5.000		4.000	8.100	5.000		3.100
-	Xây dựng nhà lớp học Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2021-2023		570/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	14.925	5.050		9.875		7902/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	14.925,0	5.050		9.875	13.430	5.050		8.380
-	Nhà làm việc liên cơ quan Đảng - Đoàn thể huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2021-2023		571/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	25.842	17.500		8.342			25.842	17.500		8.342	23.260	17.500		5.760
-	Xây dựng Trung tâm văn hóa, hội nghị huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2022-2024	Xây dựng 550 chỗ ngồi		44.990	14.145		30.845			44.990	15.145		29.845	42.735	15.145		27.590
IV	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đặc biệt khó khăn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022 - 2025						14.613	12.000	-	2.613	-	14.613	12.000	-	2.613	13.150	12.000	-	1.150	
*	Dự án khởi công mới						14.613	12.000	-	2.613		14.613	12.000	-	2.613	13.150	12.000	-	1.150	
-	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	Các xã Đồng Vương, Đồng Tiến, Canh Nậu	2022-2024	06 ngầm	645/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	14.613	12.000		2.613		7900/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	14.613	12.000		2.613	13.150	12.000		1.150
V	Vốn Đề án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các thôn bản đặc biệt khó khăn theo NQ 12/2018/NQ-HĐND tỉnh						1.767	1.500	-	-	-	1.651	1.500	-	151	1.500	1.500	-	-	
*	Dự án khởi công mới						1.767	1.500	-	-		1.651	1.500	-	151	1.500	1.500	-	-	
-	Sửa chữa, nâng cấp đập Bờ Mèo, mương dẫn nước xã Canh Nậu	UBND xã Canh Nậu	xã Canh Nậu	2021-2022		705/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	1.767	1.500				4901/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	1.651	1.500		151	1.500	1.500		

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Dự kiến Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (Bổ trí theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% đối với dự án nhóm B)				Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bảo gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bảo gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Tổng số	Trong đó:			
																	Vốn cán đối ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn NS huyện	
VI	Hỗ trợ ngân sách các huyện đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh						36.538	17.412	-	19.126	-	35.591	17.412	-	18.522	33.486	17.412	-	16.074	
*	Dự án khởi công mới						36.538	17.412	-	19.126	-	35.591	17.412	-	18.522	33.486	17.412	-	16.074	
-	Khu xử lý rác thải xã Xuân Lương, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Xuân Lương	2021-2023		695/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	9.842	2.800		7.042		8.895,0	2.800		6.438,0	8.857	2.800		6.057,0	
-	Xây dựng nhà xử lý rác thải thi trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Bồ Hạ	2021-2022		704/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	5.697	2.800		2.897		5.697	2.800		2.897	5.130	2.800		2.330	
-	Khu xử lý rác thải xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Đồng Vương	2021-2023		637/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	14.999,0	6.212,0		8.787		14.999,0	6.212,0		8.787	13.499	6.212,0		7.287,0	
-	Khu xử lý rác thải xã Tam Tiến, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Tam Tiến	2022-2023			3.000	2.800		200		3.000	2.800		200	3.000	2.800		200	
-	Khu xử lý rác thải xã An Thượng, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã An Thượng	2022-2023			3.000	2.800		200		3.000	2.800		200	3.000	2.800		200	
VII	Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021)						45.073	19.000	-	26.073	-	18.773	8.000	-	10.773	28.500	19.000	-	9.500	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 1 tỷ đồng/trụ sở; đề nghị sắp xếp theo thứ tự ưu tiên
1	Năm 2022						18.773	8.000	-	10.773	-	18.773	8.000	-	10.773	12.000	8.000	-	4.000	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đồng Tâm	UBND xã Đồng Tâm	xã Đồng Tâm	2021-2022		512/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	1.800,0	1.000,0		800		1.800,0	1.000,0		800	1.500	1.000,0		500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đồng Hưu	UBND xã Đồng Hưu	xã Đồng Hưu	2021-2022		783/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	2.711,0	1.000,0		1.711		2.711,0	1.000,0		1.711	1.500	1.000,0		500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã An Thượng	UBND xã An Thượng	xã An Thượng	2021-2022		734/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	2.295,0	1.000,0		1.295		2.295,0	1.000,0		1.295	1.500	1.000,0		500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đồng Kỳ	UBND xã Đồng Kỳ	xã Đồng Kỳ	2021-2022		865/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	2.000,0	1.000,0		1.000		2.000,0	1.000,0		1.000	1.500	1.000,0		500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Tam Hiệp	UBND xã Tam Hiệp	xã Tam Hiệp	2021-2022		781/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	2.599,0	1.000,0		1.599		2.599,0	1.000,0		1.599	1.500	1.000,0		500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đồng Vương	UBND xã Đồng Vương	xã Đồng Vương	2021-2022		630/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	2.050,0	1.000,0		1.050		2.050,0	1.000,0		1.050	1.500	1.000,0		500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Tân Hiệp	UBND xã Tân Hiệp	xã Tân Hiệp	2021-2022		737/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	2.668,0	1.000,0		1.668		2.668,0	1.000,0		1.668	1.500	1.000,0		500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Hương Vỹ	UBND xã Hương Vỹ		2021-2022			2.650,0	1.000,0		1.650		2.650,0	1.000,0		1.650	1.500	1.000,0		500	
2	Năm 2023						9.500	4.000	-	5.500	-	-	-	-	-	6.000	4.000	-	2.000	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Tiến Thắng	UBND xã Tiến Thắng		2022-2023			2.500,0	1.000,0		1.500					1.500	1.000,0			500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Tam Tiến	UBND xã Tam Tiến		2022-2023			2.500,0	1.000,0		1.500					1.500	1.000,0			500	

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Dự kiến Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (Bỏ trị theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% đối với dự án nhóm B)				Ghi chú	
						Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn ODA)	VốnNS huyện, xã	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn ODA)	VốnNS huyện, xã	Tổng số	Trong đó:				
																	Vốn cán đối ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn NS huyện		
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Canh Nậu	UBND xã Canh Nậu		2022-2023		2.000,0	1.000,0			1.000						1.500	1.000,0			500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Hồng Kỳ	UBND xã Hồng Kỳ		2022-2023		2.500,0	1.000,0			1.500						1.500	1.000,0			500	
<b>3</b>	<b>Năm 2024</b>					<b>9.500</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	<b>5.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.000</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>		
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy thị trấn Phồn Xương	UBND thị trấn Phồn Xương		2023-2024		2.000,0	1.000,0			1.000						1.500	1.000,0			500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đông Tiến	UBND xã Đông Tiến		2023-2024		2.500,0	1.000,0			1.500						1.500	1.000,0			500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đông Sơn	UBND xã Đông Sơn		2023-2024		2.500,0	1.000,0			1.500						1.500	1.000,0			500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đông Lạc	UBND xã Đông Lạc		2023-2024		2.500,0	1.000,0			1.500						1.500	1.000,0			500	
<b>4</b>	<b>Năm 2025</b>					<b>7.300</b>	<b>3.000</b>	<b>-</b>	<b>4.300</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.500</b>	<b>3.000</b>	<b>-</b>	<b>1.500</b>		
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Xuân Lương	UBND xã Xuân Lương		2024-2025		2.000,0	1.000,0			1.000						1.500	1.000,0			500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Tân Sỏi	UBND xã Tân Sỏi		2024-2025		2.800,0	1.000,0			1.800						1.500	1.000,0			500	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy thị trấn Bồ Hạ	UBND thị trấn Bồ Hạ		2024-2025		2.500,0	1.000,0			1.500						1.500	1.000,0			500	
<b>VIII</b>	<b>Vốn hỗ trợ đầu tư tu bổ di tích lịch sử - văn hóa</b>					<b>6.573,0</b>	<b>1.450,0</b>	<b>2.000,0</b>	<b>3.123,0</b>	<b>-</b>	<b>6.539,4</b>	<b>1.450,0</b>	<b>2.000,0</b>	<b>3.089,4</b>	<b>1.450</b>	<b>1.450,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đình Thép xã Tân Hiệp	UBND xã Tân Hiệp	Xã Tân Hiệp	2021-2022		693/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	1.673,0	450,0		1.223	866/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	1.639	450,0	1.189	450	450,0					
2	Tu bổ, chống xuống cấp di tích đình Bo Chợ, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế	UBND xã Đông Sơn	xã Đông Sơn	2021-2022		287/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	4.900,0	1.000,0	2.000	1.900	390/QĐ-UBND, ngày 29/10/2021	4.900	1.000,0	2.000	1.900	1.000	1.000,0				
<b>C</b>	<b>VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (NGÂN SÁCH HUYỆN)</b>						<b>594.173,03</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>579.423,03</b>	<b>-</b>	<b>228.561,58</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>207.873,52</b>	<b>488.580,84</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>488.580,84</b>		
<b>I</b>	<b>Bổ trí vốn để trả nợ đọng XDCB từ giai đoạn trước chuyển sang</b>						<b>20.884,60</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.134,60</b>	<b>-</b>	<b>27.302,85</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.614,80</b>	<b>6.089,80</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.089,80</b>		
1	Hỗ trợ xây dựng NTM các nhà văn hóa thôn, bản, phổ giai đoạn 2016-2020	UBND các xã, thị trấn					9.700,0	-	-	1.950,0	-	16.038,1	-	-	1.950,0	1.825,0	-	-	1.825,0		
2	Tiền vay Quỹ đất tỉnh GPMB Khu liên hợp thể thao huyện (đợt 3)	Trung tâm PTQĐ& CCN		2020		224/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	2.826,50			2.826,5	224/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	2.826,495			2.826,495	2.826,495			2.826,495		
3	Tiền vay Quỹ đất tỉnh GPMB Khu liên hợp thể thao huyện (đợt 4,5)	Trung tâm PTQĐ& CCN		2020		781/QĐ-UBND ngày 07/10/2020; 777/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	758,11			758,106	781/QĐ-UBND ngày 07/10/2020; 777/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	758,106			758,106	758,106			758,106		
4	Cải tạo, nâng cấp đường vòng tránh từ trường trung cấp nghề đi trường mầm non TT Cầu Gồ	Ban QLDA ĐTXD huyện		2019-2020		4031/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.600			600	4031/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.600,0			1.000,0	600			600		
5	Khu liên hợp thể thao huyện (Hỗ trợ bán giao mặt bằng sớm, khuyến khích tiền độ đợt 4)	Trung tâm PTQĐ& CCN		2020							224/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	50,900			50,900	50,900			50,900		

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Dự kiến Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (Bổ trí theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% đối với dự án nhóm B)			Ghi chú	
						Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bảo gồm cả vốn ODA)	VốnNS huyện, xã	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bảo gồm cả vốn ODA)	VốnNS huyện, xã	Tổng số	Trong đó:			
																	Vốn cán đối ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương		Vốn NS huyện
6	Khu liên hợp thể thao huyện (GPMB đợt 6)	Trung tâm PTQĐ&CCN		2020						781/QĐ-UBND ngày 07/10/2020; 777/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	29,295				29,295	29,295			29,295	
<b>II</b>	<b>Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn trước chưa bố trí đủ vốn</b>					<b>27.753,4</b>	-	-	<b>27.753,4</b>	-	<b>27.753,4</b>	-	-	<b>27.753,4</b>	<b>5.353,4</b>	-	-	<b>5.353,4</b>		
-	Khu dân cư trung tâm xã Xuân Lương, huyện Yên Thế (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Xuân Lương	2019-2020		516/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	12.918,2		12.918,2	516/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	12.918,2			12.918,2	2.718,2			2.718,2		
-	Khu liên hợp thể thao huyện Yên Thế (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2019-2020		4027/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019	14.835,3		14.835,3	4027/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019	14.835,3			14.835,3	2.635,3			2.635,3		
<b>III</b>	<b>Vốn Quy hoạch</b>																			
<b>IV</b>	<b>Vốn chuẩn bị đầu tư</b>						<b>3.000</b>	-	-	<b>3.000</b>	-	-	-	-	<b>3.000</b>	-	-	<b>3.000</b>		
1	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án giai đoạn 2021-2025						3.000								3.000			3.000		
<b>V</b>	<b>Vốn thực hiện dự án (đầu tư cho lĩnh vực, ngành)</b>						<b>542.535,0</b>	-	-	<b>542.535,0</b>	-	<b>173.505,3</b>	-	-	<b>173.505,3</b>	<b>474.137,6</b>	-	-	<b>474.137,6</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>						<b>44.047,0</b>	-	-	<b>44.047,0</b>	-	<b>42.445,0</b>	-	-	<b>42.445,0</b>	<b>27.452,0</b>	-	-	<b>27.452,0</b>	
-	Khu liên hợp thể thao huyện Yên Thế (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2020-2021		3915/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	17.141,0		17.141	3915/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	17.141,0			17.141,0	11.141			11.141		
-	Lập Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế đến năm 2035	Phòng Kinh tế và HT		2020-2021		931/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	4.679,0		4.679,0	986/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	4.303,0			4.303,0	4.000			4.000		
-	Khu dân cư thôn Trại Chuối 1 xã Đồng Kỳ	Trung tâm PTQĐ&CCN	xã Đồng Kỳ	2019-2021		541/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; 918/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	3.224,0		3.224,0	5079/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	3.224,0			3.224,0	2.723			2.723		
-	Khu dân cư thôn Công Châu xã Đồng Hưu	Trung tâm PTQĐ&CCN	xã Đồng Hưu	2019-2021		541/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; 918/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	4.888,0		4.888,0	5078/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	4.888,0			4.888,0	4.188			4.188		
-	Chi công tác quản lý đất đai						14.115,0	-	-	14.115,0	-	12.889,0	-	-	12.889,0	5.400,0	-	-	5.400,0	
+	Cấp GCN QSDĐ sau đo đạc; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính các xã An Thượng, Tân Sỏi và thị trấn Bó Hạ	Phòng Tài nguyên và MT		2020-2021		682/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	10.572,0		10.572,0	2636/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	9.473,0			9.473,0	5.200			5.200		
+	Lập Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu giai đoạn 2021 - 2030, huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và MT		2019-2021		687/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	3.543,0		3.543,0	488/QĐ-UBND ngày 14/7/2020	3.416,0			3.416,0	200			200		
<b>2</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</b>						<b>498.488</b>	-	-	<b>498.488</b>	-	<b>131.060</b>	-	-	<b>131.060</b>	<b>446.686</b>	-	-	<b>446.686</b>	

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Dự kiến Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (Bổ trí theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% đối với dự án nhóm B)			Ghi chú	
						Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Tổng số	Trong đó:			
																	Vốn cán đối ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương		Vốn NS huyện
*	<b>Chi công tác quản lý đất đai</b>						<b>20.681</b>	-	-	<b>20.681</b>	-	<b>18.027</b>	-	-	<b>18.027</b>	<b>16.821</b>	-	-	<b>16.821</b>	
-	Đo đạc chính lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thị trấn Phồn Xương	Phòng Tài nguyên và MT		2020-2022		718/QĐ-UBND ngày 17/10/2020	6.689,0			6.689,0		6861/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	6.208		6.208	6.020			6.020	
-	Đo đạc chính lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Tam Tiến	Phòng Tài nguyên và MT		2020-2022		718/QĐ-UBND ngày 17/10/2020	10.352,0			10.352,0		2556/QĐ-UBND ngày 02/7/2021	8.189		8.189	7.370			7.370,0	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và MT		2021-2023		533/QĐ-UBND ngày 26/8/2021; 626/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	1.654,0			1.654,0		7892/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1.643,9		1.643,9	1.643,9			1.643,9	
-	Đo đạc chính lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất hộ gia đình, cá nhân tự nguyện hiến đất để xây dựng các công trình công cộng nhưng chưa chính lý biến động DCNQSD đất	Phòng Tài nguyên và MT		2021-2023		537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	1.986			1.986			1.986		1.986	1.787			1.787	
*	<b>Lĩnh vực GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật</b>						<b>345.379</b>	-	-	<b>345.379</b>	-	<b>94.819</b>	-	-	<b>94.819</b>	<b>294.220</b>	-	-	<b>294.220</b>	
-	Điểm dân cư thôn Tân An xã An Thượng (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã An Thượng	2021-2023		915/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.997,0			14.997,0		5098/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	15.000,0		15.000,0	13.497			13.497	
-	Khu dân cư thôn Trại Hồng, xã Hồng Kỳ	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Hồng Kỳ	2021-2022		916/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.000,0			14.000,0		5099/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	14.000,0		14.000,0	12.600			12.600	
-	Xây dựng khu dân cư thôn Hối xã Phồn Xương	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2021		696/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	350,0			350,0		5100/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	350,0		350,0	315			315	
-	Xây dựng khu dân cư thị trấn Phồn Xương (trụ sở UBND Cầu Gó và trạm y tế cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2021-2022		699/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	2.500,0			2.500,0		5101/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	2.500,0		2.500,0	2.250			2.250	
-	Khu dân cư xã Xuân Lương (trụ sở UBND xã Xuân Lương cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Xuân Lương	2021-2022		700/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	2.000,0			2.000,0		5102/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 732/QĐUBND ngày 24/9/2021	882,0		882,0	882			882	
-	Đầu tư mở rộng trường trường mầm non Tam Tiến huyện Yên Thế (khu chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Tam Tiến	2021		822/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	2.486,0			2.486,0		5103/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	2.486,0		2.486,0	600			600	
-	Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Đồng Hưu	2021-2023		701/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	14.936,0			14.936,0		5104/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	14.936,0		14.936,0	10.000			10.000	
-	Xây dựng 10 phòng trường THCS Đồng Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Đồng Sơn	2021-2023		702/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	14.944,0			14.944,0		5105/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	14.944,0		14.944,0	10.000			10.000	

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Dự kiến Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (Bổ trí theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% đối với dự án nhóm B)			Ghi chú	
						Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Tổng số	Trong đó:			
																	Vốn cán đối ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương		Vốn NS huyện
-	Điểm dân cư trung tâm xã Đồng Vương (giai đoạn 1)	Trung tâm PTQĐ và QLTT GTXDMT	xã Đồng Vương	2021-2023	2,5ha	539/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	15.000,0			15.000,0	7711/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	14.958,0		14.958,0	13.500			13.500		
-	Khu dân cư mới xã Đồng Kỳ (giai đoạn 1)	Trung tâm PTQĐ và QLTTGTXDMT	xã Đồng Kỳ	2021-2023	1,5ha	159/QĐ-UBND ngày 02/3/2021; 546/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	15.000,0			15.000,0	7300/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	14.763,0		14.763,0	13.500			13.500		
-	Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bồ Hạ (giáp trường THPT TT Bồ Hạ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Bồ Hạ	2022-2025	10,3ha		145.748,0			145.748,0					124.000			124.000		
-	Khu đô thị kết hợp tái định cư khu di tích lịch sử HHT	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2022-2023	4,5ha	604/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	56.421,0			56.421					50.779			50.779		
-	Khu dân cư xã Xuân Lương (Chợ Xuân Lương cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Xuân Lương	2023-2024		532/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	2.000,0			2.000,0					1.800			1.800		
-	Điểm dân cư thôn Chùa xã Hương Vỹ	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Hương Vỹ	2023-2024			15.000,0			15.000,0					13.500			13.500		
-	Điểm dân cư thôn Tân An xã An Thượng (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã An Thượng	2023-2025			14.997,0			14.997,0					13.497			13.497		
-	Khu dân cư mới xã Đồng Kỳ (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Đồng Kỳ	2023-2025	1,5ha		15.000,0			15.000,0					13.500			13.500		
*	<b>Lĩnh vực phát triển KT-XH</b>						<b>132.428,0</b>	-	-	<b>132.428,0</b>	-	<b>18.214,0</b>	-	-	<b>18.214,0</b>	<b>117.663,7</b>	-	-	<b>117.663,7</b>	
-	Khu liên hợp thể theo huyện Yên Thế (giai đoạn 3 xây dựng Sân vận động)	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2021		5106/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	13.503			13.503	5106/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	13.503		13.503	12.153			12.153		
-	Chỉnh trang vỉa hè thị trấn Bồ Hạ	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Bồ Hạ	2021-2022		703/QĐ-UBND ngày 15/9/2020; 577/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	3.500,0			3.500,0	5107/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 7311/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	3.079		3.079	3.079			3.079		
-	Cải tạo trụ sở làm việc UBND thị trấn Cầu Gò cũ làm Trụ sở Trung tâm VH-TT&TT huyện + Di chuyển trạm phát sóng	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2021-2022		711/QĐ-UBND ngày 15/9/2020; 477/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	2.500,0			2.500,0	5108/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 7443/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	1.632		1.632	1.632			1.632		
-	Đầu tư xây dựng đường nội thị, thị trấn Phồn Xương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Phồn Xương	2021-2023	1,5km đường ĐT cấp III ĐB	569/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	37.000			37.000					33.300			33.300		
-	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 294 đi đường tỉnh 242 (dài 1,4km) Cấp III	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Đồng Lạc, Tân Sỏi	2021-2023	1,4km đường cấp III ĐB	575/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	46.000			46.000					41.400			41.400		
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + 08 phòng học, phòng chức năng trường THCS Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	xã Đồng Hưu	2022-2024		638/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	15.000,0			15.000,0					13.500			13.500		

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Dự kiến Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (Bổ trí theo nguyên tắc tiết kiệm trong đầu tư công là 90% TMDT đối với dự án nhóm C; 85% đối với dự án nhóm B)				Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn ODA)	Vốn NS huyện, xã	Tổng số	Trong đó:			
																	Vốn cán đối ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn NS huyện	
-	Trường THCS TT Bồ Hạ; Hạng mục: GPMB, san nền, tường rào	Ban QLDA ĐTXD huyện	thị trấn Bồ Hạ	2021-2023		662/QĐ-UBND ngày 13/11/2021	14.925,0			14.925,0						12.600			12.600	
*	<b>Hỗ trợ xây dựng công trình NTM giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện)</b>	UBND các xã, thị trấn														17.980			17.980	